



Thứ ba, ngày 23 tháng 10 năm 2018

Vietnam Daily Review

Rung lắc mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/10/2018		•	
Tuần 22/10-26/10/2018		•	
Tháng 10/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index rung lắc mạnh đặc biệt vào phiên chiều khi có những thời điểm chỉ số.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm MBB (+0.2 điểm); SAB (+0.18 điểm); BVH (+0.04 điểm); SBT (+0.04 điểm); YEG (+0.04 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm GAS (-1.57 điểm); VCB (-1.48 điểm); VNM (-1.26 điểm); TCB (-1.10 điểm); PLX (-0.98 điểm)
- Dòng tiền tham gia mạnh vào nhóm bất động sản và dược phẩm.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 4,360 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 25.13 điểm. Thị trường có 80 mã tăng và 232 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 1.45 điểm, đóng cửa tại 939.68 điểm. Cùng với đó, HNX-Index giảm 2.48 điểm xuống 105.07 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng -62.66 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VNM (-54.3 tỷ), VJC (-29.5 tỷ) và VHC (-28.5 tỷ). Ngược lại, họ mua ròng 2.88 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index biến động, giảm điểm trong phiên sáng, lực bán xuất hiện mạnh nhất ở nhóm cổ phiếu Ngân hàng như VCB, TCB, CTG, BID, VPB, STB,... nhóm dầu khí giảm mạnh thứ hai với sự đi xuống mạnh mẽ của GAS, PVD, PLX,... Trong phiên chiều, thị trường giảm mạnh ở đầu phiên do có yếu tố tâm lý từ nhận định của một số thành viên thị trường, thị trường sau đó hồi phục nhẹ do kỳ vọng kết quả kinh doanh tốt từ các doanh nghiệp của nhà đầu tư, lực mua xuất hiện ở nhóm bluechips như MBB, SAB, BVH,... Trên quan điểm của BSC, dòng tiền và tâm lý thị trường đang suy yếu, trạng thái theo dõi và chờ đợi có thể chuyển sang quyết định bán ra bởi những thông tin tiêu cực. Mặt khác, VN-Index vẫn đang vận động trong vùng nhạy cảm, khả năng kiểm tra vùng đáy 885-900 điểm không loại trừ do vậy nhà đầu tư cần giữ tỷ trọng đầu tư ở mức an toàn, chờ cơ hội chuyển biến giá tại vùng hỗ trợ thấp hơn.

Phân tích kỹ thuật:

VN-Index_ Yếu tố tâm lý

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 953.51

Giá trị: 4360.6 tỷ -4.85 (-0.51%)

Khối ngoại (ròng): -62.66 tỷ

HNX-INDEX 107.55

Giá trị: 439.55 tỷ -0.55 (-0.51%)

Khối ngoại (ròng): 2.88 tỷ

UPCOM-INDEX 52.42

Giá trị: 245.2 tỷ -0.05 (-0.1%)

Khối ngoại(ròng): 13.02 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	69.4	0.43%
Giá vàng	1,224	-0.26%
Tỷ giá USD/VND	23,347	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,886	0.00%
Tỷ giá JPY/VND	20,705	-0.17%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
BID	40.6	VNM	54.3
SBT	34.9	VJC	29.5
SSI	12.6	VHC	28.5
DXG	9.3	HPG	24.0
HCM	4.7	VCB	13.5

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường Trang 1

Phân tích kỹ thuật Trang 2

Danh mục khuyến nghị Trang 3

Cổ phiếu lớn Trang 4

Thống kê thị trường Trang 5

Báo cáo mới nhất Trang 6

Khuyến cáo sử dụng Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

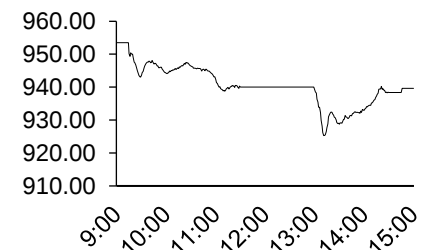
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
MPC	1.5	47.8	43	52	NGỪNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn
BID	5.5	34.9	32	37	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
DIG	1.2	15.2	15	18	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
STB	5.4	12.6	12	14	NGỪNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn
HPG	17.1	39.5	39	43	NGỪNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn
PVS	5.0	20.3	20	25	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
DXG	3.5	27.5	26	31	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
MBB	7.0	21.4	20	24	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
SBT	3.1	20.6	20	21	NGỪNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn
HBC	4.2	23.0	22	26	NGỪNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Phân tích kỹ thuật

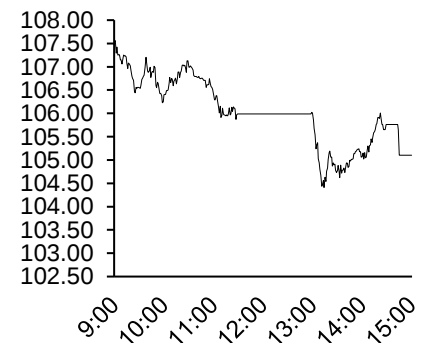
VN-Index_ Yếu tố tâm lý

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá trung hạn, tích lũy ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Duy trì dưới mức 0
- Chỉ báo RSI: Tiếp cận Bollinger dưới
- Đường MA: MA 20 MA 50 và MA 100 có xu hướng cắt nhau

Nhận định: Chỉ số VN-Index đang trong xu hướng giảm giá trung hạn, tích lũy ngắn hạn. Chỉ báo MACD duy trì dưới mức 0, chỉ báo RSI tiếp cận Bollinger dưới kết hợp với các đường MA cắt nhau cho tín hiệu bán. Chỉ số VN-Index hôm nay đã phản ứng tại vùng hỗ trợ nhẹ 940.3 tạo một cây nến pinbar, tuy khối lượng giao dịch có tăng nhưng nếu so sánh với khoảng 2 tuần trước thì là đã giảm. Như vậy, nếu phá vỡ kênh tích lũy theo phía dưới, nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục giảm trung hạn về mức hỗ trợ tiếp theo quanh ngưỡng 900 điểm.

VNINDEX - Daily 10/23/2018 Open 950.12, Hi 950.42, Lo 925.29, Close 940.23 (-1.4%) MA(Close,20) = 986.53, MA1(Close,50) = 985.42, MA2(Close,100) = 972.65



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1811	901.0	-2.2%	33.9%
VN30F1812	901.4	-2.1%	58.2%
VN30F1903	903.9	-1.9%	26.5%
VN30F1906	900.7	-2.9%	-12.4%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	38	1.2	0.7
NVL	71	1.4	0.5
SAB	222	0.9	0.3
MBB	21	0.5	0.2
FPT	43	0.4	0.1

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	23	-3	-1.6
STB	13	-4	-1.5
HPG	40	-2	-1.4
VJC	129	-2	-1.4
MSN	79	-2	-1.3

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	33.20	1.5%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	12.10	-4.0%	11.6	14.5
3	HBC	26/9/2018	25.20	23.00	-8.7%	23.2	29.0
4	PTB	10/4/2018	64.00	63.40	-0.9%	58.9	73.6
Trung bình					-3.7%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	MBB	27/4/2015	13.8	21.40	55.1%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	39.50	55.1%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	56.00	33.7%	39.8	60.0
Trung bình					47.9%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	PVT	23/06/2016	11.1	16.8	51.4%	17.0	22.7
2	ACB	2/2/2018	32.4	29.6	-8.6%	30.8	45.0
3	PNJ	21/08/2018	105.0	99.0	-5.7%	95.0	125.0
Trung bình					12.3%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	119.5	-4.2%	0.6	1,677	4.4	8,472	14.1	5.1	49.0%	43.9%	
PNJ	Bán lẻ	99.0	-2.5%	0.9	698	3.1	5,428	18.2	4.7	49.0%	30.0%	
BVH	Bảo hiểm	92.0	0.2%	1.5	2,804	0.3	1,831	50.3	4.2	24.8%	8.5%	
PVI	Bảo hiểm	32.6	-2.4%	0.8	328	0.1	2,265	14.4	1.2	43.9%	6.7%	
VIC	Bất động sản	99.0	-0.1%	1.1	13,738	2.6	1,292	76.6	7.0	9.9%	11.2%	
VRE	Bất động sản	37.0	-1.3%	1.1	3,058	2.3	791	46.8	2.7	31.4%	5.7%	
NVL	Bất động sản	70.9	-0.1%	0.8	2,797	1.4	2,256	31.4	3.9	8.1%	13.7%	
REE	Bất động sản	33.2	-2.4%	1.1	448	0.9	5,319	6.2	1.2	49.0%	20.9%	
DXG	Bất động sản	27.5	-1.8%	1.5	418	3.5	3,042	9.0	2.2	47.2%	26.2%	
SSI	Chứng khoán	29.0	-3.3%	1.3	629	5.7	3,046	9.5	1.6	56.8%	14.4%	
VCI	Chứng khoán	56.0	-3.4%	1.0	397	0.3	4,289	13.1	3.0	41.2%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	56.0	-1.9%	1.3	315	0.8	6,094	9.2	2.5	61.8%	29.3%	
FPT	Công nghệ	42.2	-2.2%	0.9	1,126	2.1	5,094	8.3	2.2	49.0%	28.6%	
FOX	Công nghệ	51.5	-1.0%	0.4	506	0.0	3,453	14.9	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	109.4	-2.3%	1.5	9,104	1.8	6,473	16.9	4.9	3.6%	30.6%	
PLX	Dầu khí	58.0	-4.0%	1.5	2,922	1.9	3,254	17.8	3.6	11.0%	18.3%	
PVS	Dầu khí	20.3	-2.9%	1.8	394	5.0	1,620	12.5	0.8	19.5%	6.8%	
BSR	Dầu khí	16.5	-2.4%	0.8	2,224	1.5	#N/A	N/A	#N/A	N/A	36.4%	23.0%
DHG	Dược	87.2	-1.2%	0.5	496	0.1	4,037	21.6	3.9	49.4%	18.3%	
DPM	Hóa chất	17.9	-0.6%	1.0	305	0.3	1,492	12.0	0.9	21.0%	8.1%	
DCM	Hóa chất	10.0	-2.0%	0.6	230	0.3	790	12.7	0.8	4.0%	6.6%	
VCB	Ngân hàng	55.8	-2.3%	1.4	8,728	5.7	3,360	16.6	3.3	20.8%	20.9%	
BID	Ngân hàng	34.9	-0.3%	1.7	5,188	5.5	2,329	15.0	2.4	2.6%	16.7%	
CTG	Ngân hàng	23.7	-3.3%	1.6	3,829	6.1	2,085	11.3	1.3	30.0%	12.2%	
VPB	Ngân hàng	22.8	-1.9%	1.2	2,435	7.1	2,663	8.6	2.0	23.2%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	21.4	1.4%	1.3	2,010	7.0	2,376	9.0	1.6	20.0%	16.3%	
ACB	Ngân hàng	29.6	-3.9%	1.2	1,605	5.3	2,887	10.3	2.0	34.1%	21.7%	
BMP	Nhựa	57.6	-2.4%	0.8	205	0.4	5,642	10.2	2.0	77.4%	19.6%	
NTP	Nhựa	45.0	-0.7%	0.4	175	0.0	3,938	11.4	1.9	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	20.6	-3.3%	1.2	805	0.1	229	90.0	1.6	2.6%	1.8%	
HPG	Thép	39.5	-1.5%	0.9	3,648	17.1	4,210	9.4	2.3	39.4%	30.1%	
HSG	Thép	10.3	-6.4%	1.4	172	3.2	1,861	5.5	0.8	19.6%	14.0%	
VNM	Tiêu dùng	123.5	-1.8%	0.6	9,351	6.4	5,065	24.4	8.3	59.0%	34.9%	
SAB	Tiêu dùng	222.9	0.4%	0.8	6,215	0.3	7,082	31.5	9.1	9.8%	31.2%	
MSN	Tiêu dùng	77.5	-2.1%	1.1	3,919	6.6	5,370	14.4	4.8	38.0%	32.2%	
SBT	Tiêu dùng	20.6	1.2%	0.8	444	3.1	1,041	19.8	1.7	9.4%	11.3%	
ACV	Vận tải	81.0	-1.3%	0.8	7,667	0.1	1,883	43.0	6.5	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	127.0	-1.6%	1.1	2,991	3.7	9,463	13.4	6.5	24.1%	67.1%	
HVN	Vận tải	34.1	-1.7%	1.7	1,851	0.8	1,727	19.7	2.8	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	25.9	-2.5%	0.9	334	1.3	6,218	4.2	1.3	20.4%	30.1%	
PVT	Vận tải	16.8	-4.3%	0.8	206	0.1	2,168	7.7	1.3	34.2%	17.2%	
VCS	Vật liệu xây dựng	73.8	-3.5%	1.1	513	1.2	5,620	13.1	4.2	2.6%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	15.9	-3.6%	0.9	310	1.2	1,309	12.2	1.1	24.7%	9.0%	
HT1	Vật liệu xây dựng	12.1	-4.0%	0.7	201	0.1	1,599	7.6	0.9	4.9%	12.2%	
CTD	Xây dựng	147.0	-3.2%	0.8	500	0.9	20,202	7.3	1.4	44.2%	21.1%	
VCG	Xây dựng	18.5	-1.1%	1.4	355	0.9	2,715	6.8	1.3	10.8%	19.2%	
CII	Xây dựng	24.7	-2.4%	0.6	262	1.2	(39)	#N/A	N/A	1.2	54.4%	-0.2%
POW	Điện	14.1	-0.7%	0.6	1,436	1.0	1,026	13.7	1.2	71.9%	9.1%	
NT2	Điện	23.8	-0.4%	0.7	298	0.2	2,874	8.3	1.9	21.4%	19.5%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	35.00	1.16	0.43	3.64MLN
SAB	222.00	0.91	0.41	31600.00
NVL	71.00	1.43	0.29	304330.00
VRE	37.50	1.21	0.27	1.69MLN
BHN	88.40	3.88	0.24	2860.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	57.10	-1.04	-0.68	1.20MLN
MSN	79.20	-2.22	-0.66	551610.00
PLX	60.40	-2.58	-0.65	458870.00
VNM	125.80	-0.79	-0.55	316450.00
VJC	129.00	-2.27	-0.51	1.37MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAS	8.56	7.00	0.00	4950.00
CMV	19.95	6.97	0.01	680.00
VHC	100.30	6.93	0.19	465490.00
DTT	9.26	6.93	0.00	190.00
BTT	35.55	6.92	0.01	1020.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVI	41.85	-7.00	-0.01	2010.00
HRC	31.90	-7.00	-0.02	1120.00
DTA	6.78	-7.00	0.00	580.00
DIG	15.35	-6.97	-0.09	7.33MLN
SII	19.40	-6.95	-0.03	290.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	76.50	3.38	0.08	279100.00
PHP	11.60	8.41	0.03	2400.00
DP3	87.50	9.24	0.03	91100.00
HGM	45.20	9.71	0.02	100.00
PVS	20.90	0.48	0.02	4.85MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	30.80	-0.65	-0.25	1.65MLN
SHB	8.00	-1.23	-0.11	5.31MLN
VGC	16.50	-1.79	-0.06	743400.00
NVB	9.60	-2.04	-0.06	1.22MLN
DGC	47.20	-5.60	-0.06	46100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

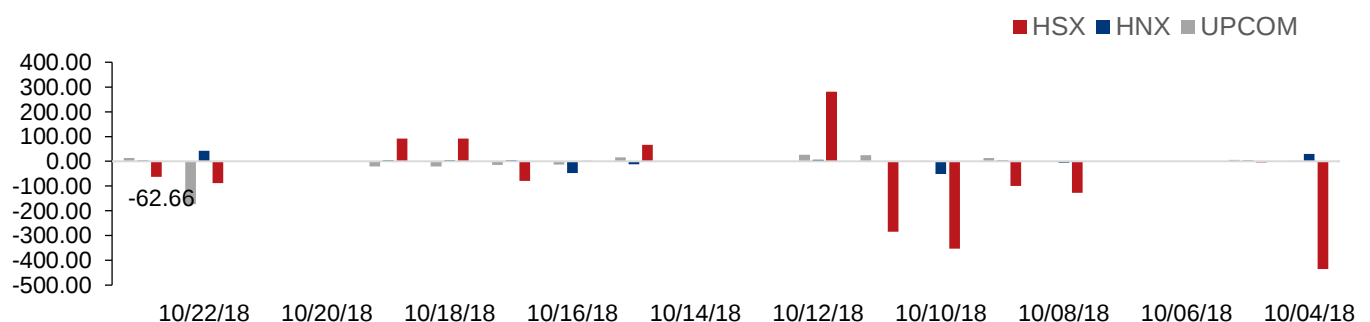
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DCS	1.10	10.00	0.01	125100.00
VIE	14.30	10.00	0.00	300.00
TV3	39.30	9.78	0.01	10600.00
HGM	45.20	9.71	0.02	100.00
VNT	31.80	9.66	0.01	6000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.70	-12.50	0.00	455900.00
PVV	0.70	-12.50	0.00	223000.00
PSC	13.50	-10.00	0.00	400.00
SD2	5.40	-10.00	-0.01	800.00
AME	10.30	-9.65	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.8	157	94.1	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	23.8	2,874	8.3	1.9	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.4	1,003	13.4	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	25.2	-2,092	#N/A	2.0	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	29.6	2,887	10.3	2.0	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	40.0	5,570	7.2	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	15.2	1,035	14.7	1.3	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	16.8	2,168	7.7	1.3	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	39.5	4,210	9.4	2.3	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	27.5	3,042	9.0	2.2	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	16.2	3,200	5.1	1.1	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	34.2	5,765	5.9	1.9	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	42.2	5,094	8.3	2.2	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	55.8	3,360	16.6	3.3	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	20.3	1,620	12.5	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	21.4	2,376	9.0	1.6	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	147.0	20,202	7.3	1.4	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.1	-697	#N/A	0.3	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	94.0	18,132	5.2	1.5	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	99.0	5,428	18.2	4.7	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

